

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Medium

ELIS 02

Giày th ể **thao chuyên** n ghiệ p
r ộ n g **mái** oả
ế t Elis 02 hoàn hảo cho giày t ể thao hàng ngày ệ
đáng tin cậ y, có đế chư ố trượt
ch ố n g thấm nư ớc .

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Đ Philon/cao su
i	Loạ 02 / SRC, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng t	thép 0.247 kg
	ẩn hóa ASTM F2892:2024 EN ISO 20347:2012

4.00 kg



BLK



WHT

3D lướ
SJ đệm chân để điều chỉnh nhiệt độ và độ
ẩm t

X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.

hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót
chân cải thiện
mang. ười
thể ng

Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ngoài cao su Oxytraction bám
trên cả



có thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường
miếng lót giày chỉnh hình
thoả

giày cao su
ngoài cao su cung cấp các tính năng linh
hoạt giúp chúng phù hợp
ứng dụng: khả năng chống cắt
năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính
linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả
và

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố ạch g, **Làm** s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn **môi** khô, Bề mặt cự c**mịn** ờn, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t **giày**, chúng tôi **khuyên** bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ **chúng** bằm phải **cách** hàn hiệ **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng **mới** ch ơ	? 0.8		2.18	ời	mg/cm/g
	Top: hi ệu số ch ơ	? 15		18		mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** L ch ốc **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót**: **mới** ch ơ	? 2		70	ời	mg/cm/g
	lót: hi ệu số ch ơ	? 20		350		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g **mài** mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**					
	Ch ố m **mài** mòn ế ngoài (	? 150		105		mm
	a đế **ngoài** SRA gót chân	? 0.28		0.44		ma sát
	a đế **ngoài** SRA Phầ t g	? 0.32		0.48		ma sát
	a đế **ngoài** SRB gót chân	? 0.13		0.25		ma sát
	ộc đế **ngoài** SRB phần g	? 0.18		0.29		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		60		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân g củ	? 20		28		J

kích thước thép: 38

a chúng tôi **Không** có **thay** và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO# hát** thả					
	V ật l iệu		1.74		kg
	Bao bì		0.10		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			4.00 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		19%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị đ **Các** giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng **các** công cụ tính toán